BỘ Y TẾ
VIỆN Y TẾ CÔNG CỘNG
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 007975 /VYTCC

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 05672.22

VILAS 219

Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ : SỐ 10 TÂN TRÀO, PHƯỜNG TÂN PHÚ, QUẬN 7, TP. HỒ CHÍ MINH, VIỆT NAM

Tên mẫu : **THỨC UỐNG SỮA TRÁI CÂY - HƯƠNG DƯA HẤU - VINAMILK HERO**

Đặc điểm mẫu : Ký hiệu mẫu: V-TCS-3

Ngày lấy mẫu : 04/04/2022

Lượng mẫu : 01 hộp x 110 ml

Ngày nhận mẫu : 04/04/2022

Người gửi mẫu : Phan Trung Thành

Người nhận mẫu : Nguyễn Thị Xuân Diễm

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Ngày kiểm nghiệm
1	*Streptococci feacal (Enterococci feacal)*	HD.PP.07.02/TT.VS:2020 [Ref. TCVN 6189-2:2009 (ISO 7899-2:2000)] (d)	< 1 CFU/ml	05/04/2022
2	Tổng số vi sinh vật hiếu khí	AOAC 966.23 (d)	< 1 CFU/ml	05/04/2022
3	Coliforms	TCVN 6848:2007 (ISO 4832:2006) (d)	< 1 CFU/ml	05/04/2022
4	*Escherichia coli*	AOAC 991.14, TCVN 9975:2013 (d)	< 1 CFU/ml	05/04/2022
5	*Clostridium perfringens*	AOAC 976.30 (d)	< 1 CFU/ml	05/04/2022
6	*Staphylococcus aureus*	AOAC 975.55 (d)	< 1 CFU/ml	05/04/2022
7	*Pseudomonas aeruginosa*	HD.PP.08.01/TT.VS (Modify 3347/QĐ-BYT ngày 31/7/2001) (b) (d)	< 1 CFU/ml	05/04/2022
8	Định lượng nấm men và nấm mốc	TCVN 8275-1:2010 (ISO 21527-1:2008) (d)	< 1 CFU/ml	05/04/2022

Mã số mẫu: 05672.22

Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.
- Khách hàng cung cấp tên mẫu chính thức ngày 27/4/2022.
- (b) Phép thử được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 và được Bộ Y tế chỉ định theo thông tư số 20/2013/TTLT-BYT-BCT-BNNPTNT.
- (d) Phép thử được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 và được Bộ Công Thương chỉ định theo thông tư số 20/2013/TTLT-BYT-BCT-BNNPTNT.
- < 1 CFU /mL: được xem như không phát hiện.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28-04-2022

TUQ. VIỆN TRƯỞNG
GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM ATTP KVPN

VIỆN Y TẾ CÔNG CỘNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Ths. Phan Bích Hà

BỘ Y TẾ
VIỆN Y TẾ CÔNG CỘNG
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 007974 /VYTCC

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 05673.22

VILAS 219

Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ : SỐ 10 TÂN TRÀO, PHƯỜNG TÂN PHÚ, QUẬN 7, TP. HỒ CHÍ MINH, VIỆT NAM

Tên mẫu : **THỨC UỐNG SỮA TRÁI CÂY - HƯƠNG DƯA HẤU - VINAMILK HERO**

Đặc điểm mẫu : Ký hiệu mẫu: V-TCS-3

Ngày lấy mẫu : 04/04/2022

Lượng mẫu : 01 hộp x 110 ml

Ngày nhận mẫu : 04/04/2022

Người gửi mẫu : Phan Trung Thành

Người nhận mẫu : Nguyễn Thị Xuân Diễm

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Ngày kiểm nghiệm
1	Arsen (As) tổng	HD.PP.16/TT.AAS (d)	Không phát hiện MLOD = 0,01 mg/kg	12/04/2022
2	Cadimi (Cd)	HD.PP.16/TT.AAS (d)	Không phát hiện MLOD = 0,01 mg/kg	12/04/2022
3	Thủy ngân (Hg)	HD.PP.16/TT.AAS (d)	Không phát hiện MLOD = 0,01 mg/kg	12/04/2022
4	Chì (Pb)	HD.PP.16/TT.AAS (d)	Không phát hiện MLOD = 0,01 mg/kg	12/04/2022

Ghi chú:
- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.
- Khách hàng cung cấp tên mẫu chính thức ngày 27/4/2022.
- (d) Phép thử được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 và được Bộ Công Thương chỉ định theo thông tư số 20/2013/TTLT-BYT-BCT-BNNPTNT.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28-04-2022

TUQ. VIỆN TRƯỞNG
GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM ATTP KVPN

VIỆN Y TẾ CÔNG CỘNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Ths. Phan Bích Hà

BỘ Y TẾ
VIỆN Y TẾ CÔNG CỘNG
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 007973 /VYTCC

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 05674.22

VILAS 219

Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ : SỐ 10 TÂN TRÀO, PHƯỜNG TÂN PHÚ, QUẬN 7, TP. HỒ CHÍ MINH, VIỆT NAM

Tên mẫu : **THỨC UỐNG SỮA TRÁI CÂY - HƯƠNG DƯA HẤU - VINAMILK HERO**

Đặc điểm mẫu : Ký hiệu mẫu: V-TCS-3

Ngày lấy mẫu : 04/04/2022

Lượng mẫu : 01 hộp x 110 ml

Ngày nhận mẫu : 04/04/2022

Người gửi mẫu : Phan Trung Thành

Người nhận mẫu : Nguyễn Thị Xuân Diễm

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Ngày kiểm nghiệm
1	Melamine	HD.PP.65/TT.SK (LC/MS/MS) (TCVN 9048:2012 (ISO/TS 15495:2010)) (d)	Không phát hiện MLOD = 0,05 mg/kg	10/04/2022

Ghi chú:
- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.
- Khách hàng cung cấp tên mẫu chính thức ngày 27/4/2022.
- (d) Phép thử được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 và được Bộ Công Thương chỉ định theo thông tư số 20/2013/TTLT-BYT-BCT-BNNPTNT.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28-04-2022

TUQ. VIỆN TRƯỞNG
GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM ATTP KVPN

VIỆN Y TẾ CÔNG CỘNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Ths. Phan Bích Hà

BỘ Y TẾ
VIỆN Y TẾ CÔNG CỘNG
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Số: 007972 /VYTCC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

VILAS 219

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 05675.22

Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ : SỐ 10 TÂN TRÀO, PHƯỜNG TÂN PHÚ, QUẬN 7, TP. HỒ CHÍ MINH, VIỆT NAM

Tên mẫu : **THỨC UỐNG SỮA TRÁI CÂY - HƯƠNG DƯA HẤU - VINAMILK HERO**

Đặc điểm mẫu : Ký hiệu mẫu: V-TCS-3

Ngày lấy mẫu : 04/04/2022

Lượng mẫu : 01 hộp x 110 ml

Ngày nhận mẫu : 04/04/2022

Người gửi mẫu : Phan Trung Thành

Người nhận mẫu : Nguyễn Thị Xuân Diễm

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Ngày kiểm nghiệm
1	Aflatoxin M1	HD.PP.03-1/TT.SK	Không phát hiện MLOD = 0,1 µg/kg	07/04/2022
2	Ochratoxin A	HD.PP.17/TT.SK:2020 (Ref. AOAC 2004.10) (d)	Không phát hiện MLOD = 0,1 µg/kg	07/04/2022
3	Patulin	HD.PP.31/TT.SK:2019 (Ref. UCT 6103-03-01, 2014 & Ref. Food Analytical Methods, 2019, Vol 12, Issue 1, pp 76-93) (d)	Không phát hiện MLOD = 2 µg/kg	13/04/2022

Ghi chú:
- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.
- Khách hàng cung cấp tên mẫu chính thức ngày 27/4/2022.
- (d) Phép thử được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 và được Bộ Công Thương chỉ định theo thông tư số 20/2013/TTLT-BYT-BCT-BNNPTNT.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28-04-2022

TUQ. VIỆN TRƯỞNG
GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM ATTP KVPN

VIỆN Y TẾ CÔNG CỘNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Ths. Phan Bích Hà

BỘ Y TẾ
VIỆN Y TẾ CÔNG CỘNG
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Số: 007963 /VYTCC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 05684.22

VILAS 219

Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ : SỐ 10 TÂN TRÀO, PHƯỜNG TÂN PHÚ, QUẬN 7, TP. HỒ CHÍ MINH, VIỆT NAM

Tên mẫu : **THỨC UỐNG SỮA TRÁI CÂY - HƯƠNG DƯA HẤU - VINAMILK HERO**

Đặc điểm mẫu : Ký hiệu mẫu: V-TCS-3

Ngày lấy mẫu : 04/04/2022

Lượng mẫu : 01 hộp x 110 ml

Ngày nhận mẫu : 04/04/2022

Người gửi mẫu : Phan Trung Thành

Người nhận mẫu : Nguyễn Thị Xuân Diễm

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Ngày kiểm nghiệm
1	Albendazole	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 3 µg/l	07/04/2022
2	Amoxicillin	HD.PP.46/TT.SK	Không phát hiện MLOD = 1 µg/l	09/04/2022
3	Clenbuterol	HD.PP.68-1/TT.SK:2020 (a)	Không phát hiện MLOD = 0,014 µg/l	07/04/2022
4	Colistin	HD.PP.46/TT.SK	Không phát hiện MLOD = 15 µg/l	09/04/2022
5	Cypermethrin và alpha-Cypermethrin	HD.PP.134-2/TT.SK:2019 (Ref. AOAC 2007.01) (a)	Không phát hiện MLOD = 40 µg/l	05/04/2022
6	Monensin	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,5 µg/l	07/04/2022
7	Tylosin	HD.PP.142/TT.SK:2019 (Ref. J.Agric.Food Chem, 2015, 5133-5140) (d)	Không phát hiện MLOD = 7 µg/l	09/04/2022
8	Diminazen	HD.PP.46/TT.SK	Không phát hiện MLOD = 25 µg/l	09/04/2022
9	Doramectin	Ref. CLG-MRM1.05	Không phát hiện MLOD = 3 µg/l	07/04/2022
10	Eprinomectin	Ref. CLG-MRM1.05	Không phát hiện MLOD = 3 µg/l	07/04/2022
11	Imidocarb	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 3 µg/l	07/04/2022
12	Ivermectin	Ref. CLG-MRM1.05	Không phát hiện MLOD = 3 µg/l	07/04/2022

Mã số mẫu: 05684.22

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Ngày kiểm nghiệm
13	Trichlorfon (Metrifonat)	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 3 µg/l	07/04/2022
14	Dexamethasone	HD.PP.08/TT.SK:2019 (Ref.Application Note 720004511EN Waters & Ref.Journal of Chromatography B, 826 (2005), 214-219 & Ref.Journal of Pharmaceutical and Biomedical Analysis 41 (2006), 554-564) (d)	Không phát hiện MLOD = 0,1 µg/l	07/04/2022
15	Ceftiofur	HD.PP.142/TT.SK:2019 (Ref. J.Agric.Food Chem, 2015,5133 - 5140) (d)	Không phát hiện MLOD = 7 µg/l	09/04/2022
16	Chlortetracycline	HD.PP.21/TT.SK:2019 (Ref. AOAC 995.09 & Ref. Application Note, 2009, 5990-3816 EN, Agilent) (d)	Không phát hiện MLOD = 15 µg/l	10/04/2022
17	Oxytetracycline	HD.PP.21/TT.SK:2019 (Ref. AOAC 995.09 & Ref. Application Note, 2009, 5990-3816 EN, Agilent) (d)	Không phát hiện MLOD = 15 µg/l	10/04/2022
18	Tetracycline	HD.PP.21/TT.SK:2019 (Ref. AOAC 995.09 & Ref. Application Note, 2009, 5990-3816 EN, Agilent) (d)	Không phát hiện MLOD = 15 µg/l	10/04/2022
19	Dihydrostreptomycin	HD.PP.87/TT.SK:2019 (Ref. CLG-AMG4.02) (d)	Không phát hiện MLOD = 30 µg/l	13/04/2022
20	Streptomycin	HD.PP.87/TT.SK:2019 (Ref. CLG-AMG4.02) (d)	Không phát hiện MLOD = 30 µg/l	13/04/2022
21	Febantel	HD.PP.159/TT.SK:2020 (Ref. AOAC 2007.01) (d)	Không phát hiện MLOD = 3 µg/l	07/04/2022
22	Fenbendazole	HD.PP.159/TT.SK:2020 (Ref. AOAC 2007.01) (d)	Không phát hiện MLOD = 3 µg/l	07/04/2022
23	Oxfendazole	HD.PP.159/TT.SK:2020 (Ref. AOAC 2007.01) (d)	Không phát hiện MLOD = 3 µg/l	07/04/2022
24	Gentamicin	HD.PP.87/TT.SK:2019 (Ref. CLG-AMG4.02) (d)	Không phát hiện MLOD = 30 µg/l	13/04/2022
25	Benzylpenicillin	HD.PP.46/TT.SK:2021 (a)	Không phát hiện MLOD = 1 µg/l	09/04/2022
26	Procaine benzylpenicilin	HD.PP.46/TT.SK:2021 (a)	Không phát hiện MLOD = 1 µg/l	09/04/2022
27	Neomycin	HD.PP.87/TT.SK:2019 (Ref. CLG-AMG4.02) (d)	Không phát hiện MLOD = 30 µg/l	13/04/2022
28	Pirlimycin	HD.PP.142/TT.SK:2019 (Ref.J.Agric.Food Chem, 2015,5133-5140) (d)	Không phát hiện MLOD = 7 µg/l	09/04/2022
29	Spectinomycin	HD.PP.87/TT.SK:2019 (Ref. CLG-AMG4.02) (d)	Không phát hiện MLOD = 30 µg/l	13/04/2022
30	Spiramycin	HD.PP.142/TT.SK:2019 (Ref. J.Agric.Food Chem, 2015, 5133-5140) (d)	Không phát hiện MLOD = 7 µg/l	09/04/2022

Mã số mẫu: 05684.22

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Ngày kiểm nghiệm
31	Sulfadimidine	HD.PP.142/TT.SK:2019 (Ref. J.Agric.Food Chem, 2015, 5133-5140) (d)	Không phát hiện MLOD = 7 µg/l	09/04/2022
32	Lincomycin	HD.PP.46/TT.SK	Không phát hiện MLOD = 3 µg/l	09/04/2022
33	Thiabendazole	HD.PP.159/TT.SK:2020 (Ref. AOAC 2007.01) (d)	Không phát hiện MLOD = 3 µg/l	07/04/2022
34	Isometamidium	HD.PP.46/TT.SK	Không phát hiện MLOD = 10 µg/l	09/04/2022
35	Cyfluthrin	HD.PP.134-2/TT.SK:2019 (Ref. AOAC 2007.01) (b)	Không phát hiện MLOD = 30 µg/l	05/04/2022
36	L-Cyhalothrin (Cyhalothrin)	HD.PP.134-2/TT.SK:2019 (Ref. AOAC 2007.01) (b)	Không phát hiện MLOD = 10 µg/l	05/04/2022
37	Deltamethrin	HD.PP.134-2/TT.SK:2019 (Ref. AOAC 2007.01) (b)	Không phát hiện MLOD = 20 µg/l	05/04/2022

Ghi chú:
- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.
- Khách hàng cung cấp tên mẫu chính thức ngày 27/4/2022.
- (a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017.
- (b) Phép thử được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 và được Bộ Y tế chỉ định theo thông tư số 20/2013/TTLT-BYT-BCT-BNNPTNT.
- (d) Phép thử được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 và được Bộ Công Thương chỉ định theo thông tư số 20/2013/TTLT-BYT-BCT-BNNPTNT.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày ....28-04-2022..

TUQ. VIỆN TRƯỞNG
GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM ATTP KVPN

VIỆN Y TẾ CÔNG CỘNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Ths. Phan Bích Hà

CASE
SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TP. HỒ CHÍ MINH
DEPARTMENT OF SCIENCE AND TECHNOLOGY
TRUNG TÂM DỊCH VỤ PHÂN TÍCH THÍ NGHIỆM TP. HỒ CHÍ MINH
CENTER OF ANALYTICAL SERVICES AND EXPERIMENTATION HCMC
VIMCERTS 147

Mã số mẫu/ Sample code BN12204.29160403 MM12204.291604031	**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM** *TEST REPORT*	BMKD 03/1 - LBH 01 Ngày/ Date: 18/05/2022

Tên khách hàng/ *Customer* : **CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM**

Địa chỉ/ *Address* : SỐ 10 TÂN TRÀO, PHƯỜNG TÂN PHÚ, QUẬN 7, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH, VIỆT NAM

Tên mẫu/ *Name of sample* : **THỨC UỐNG SỮA TRÁI CÂY - HƯƠNG DƯA HẤU - VINAMLK HERO (KÝ HIỆU MẪU: V-TCS-3)**

Số lượng/ *Quantity* : 1

Mô tả mẫu/ *Sample description* : Mẫu đựng trong hộp giấy

Ngày nhận mẫu/ *Date of receiving* : 29/04/2022

Ngày hẹn trả KH/ *Date of issue* : 10/05/2022

STT/ *No*	Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ *Parameters*	Đơn vị tính/ *Unit*	Kết quả/ *Result*	Phương pháp/ *Test method*
1	Benalaxyl	mg/kg	Không phát hiện, MDL = 0,003	CASE.SK.0114 (Ref. AOAC 2007.01) (*)

(*) Phương pháp được VILAS công nhận/ *Method is accreditated by VILAS.*
MDL Ngưỡng phát hiện của phương pháp/ *Method Detection Limit.*

Phụ trách phòng thử nghiệm/
Officer in charge of laboratory

Nguyễn Lâm Kiều Diễm

TL.GIÁM ĐỐC/ PP.DIRECTOR
TRƯỞNG PHÒNG/ HEAD OF DIVISION

TRUNG TÂM DỊCH VỤ PHÂN TÍCH THÍ NGHIỆM THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Đoàn Thị Bội Hanh

1/ KẾT QUẢ NÀY CHỈ CÓ GIÁ TRỊ TRÊN MẪU THỬ/ THIS RESULT IS ONLY VALID ON TESTED SAMPLE.
2/ Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng/ The sample information is written as customer's request.
3/ Không được sao chép toàn bộ hoặc một phần kết quả này dưới bất kỳ hình thức nào nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của CASE/
No fully or partial of this result may be reproduced in any form without prior permission in writing from CASE.

TRỤ SỞ CHÍNH
02 Nguyễn Văn Thủ, P. Đa Kao, Q. 1, TP. HCM
18001105
(84.28) 3911 7216
casehcm@case.vn

CN CẦN THƠ
F2.67 - F2.68, Đường số 6, KDC 586, P. Phú Thứ, Cái Răng, Cần Thơ
(84.292) 3918216 - 217 - 218
(84.292) 3918219
support@case.com.vn, casecantho@case.vn

VP ĐẠI DIỆN MIỀN TRUNG
STH2.T18, Đường 8E, KĐT Lê Hồng Phong II, P. Phước Hải, Nha Trang, Khánh Hòa
(84.258) 246 5255
(84.258) 246 5355
vanphongmientrung@case.vn

www.case.vn

BỘ Y TẾ
VIỆN Y TẾ CÔNG CỘNG
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 007971 **/VYTCC**

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 05676.22

VILAS 219

Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ : SỐ 10 TÂN TRÀO, PHƯỜNG TÂN PHÚ, QUẬN 7, TP. HỒ CHÍ MINH, VIỆT NAM

Tên mẫu : **THỨC UỐNG SỮA TRÁI CÂY - HƯƠNG DƯA HẤU - VINAMILK HERO**

Đặc điểm mẫu : Ký hiệu mẫu: V-TCS-3

Ngày lấy mẫu : 04/04/2022

Lượng mẫu : 01 hộp x 110 ml

Ngày nhận mẫu : 04/04/2022

Người gửi mẫu : Phan Trung Thành

Người nhận mẫu : Nguyễn Thị Xuân Diễm

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Ngày kiểm nghiệm
1	Azinphos-methyl	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,01 mg/kg	07/04/2022
2	Bromopropylate	HD.PP.181/TT.SK	Không phát hiện MLOD = 0,1 mg/kg	05/04/2022
3	Captan	HD.PP.181/TT.SK	Không phát hiện MLOD = 0,05 mg/kg	05/04/2022
4	Chlorothalonil	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,035 mg/kg	07/04/2022
5	Dinocap	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,05 mg/kg	07/04/2022
6	Fenarimol	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,01 mg/kg	07/04/2022
7	Folpet	HD.PP.181/TT.SK	Không phát hiện MLOD = 0,1 mg/kg	05/04/2022
8	Imazalil	HD.PP.181/TT.SK	Không phát hiện MLOD = 0,1 mg/kg	05/04/2022
9	Mandipropamid	HD.PP.134/TT.SK	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	07/04/2022
10	Meptyldinocap	HD.PP.181/TT.SK	Không phát hiện MLOD = 0,05 mg/kg	07/04/2022
11	Metalaxyl	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,01 mg/kg	07/04/2022
12	Clofentezine	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,01 mg/kg	07/04/2022

Mã số mẫu: 05676.22

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Ngày kiểm nghiệm
13	Cyromazin	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	07/04/2022
14	Difenoconazole	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,0025 mg/kg	07/04/2022
15	Ethoprophos	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	07/04/2022
16	Fenbuconazole	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	07/04/2022
17	Imidacloprid	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,01 mg/kg	07/04/2022
18	Pirimicarb	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	07/04/2022
19	Quinoxyfen	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	07/04/2022
20	Tebuconazole	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	07/04/2022
21	Thiacloprid	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	07/04/2022
22	Fenpyroximate	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,002 mg/kg	07/04/2022
23	Dithiocarbamate	Ref. CRL, Version 2 (2009)	Không phát hiện MLOD = 0,01 mg/kg	13/04/2022
24	Methiocarb (HCBVTV nhóm carbamate)	HD.PP.33/TT.SK:2017 (LC/MS/MS) (Ref. AOAC 2007.01 & TCVN 9333:2012) (d)	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	07/04/2022
25	Oxamyl (HCBVTV nhóm carbamate)	HD.PP.33/TT.SK:2017 (LC/MS/MS) (Ref. AOAC 2007.01 & TCVN 9333:2012) (d)	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	07/04/2022
26	Permethrin	HD.PP.67/TT.SK:2017 (GC/MS/MS) (Ref. AOAC 2007.01) (b) (d)	Không phát hiện MLOD = 0,05 mg/kg	05/04/2022

Ghi chú:
- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.
- Khách hàng cung cấp tên mẫu chính thức ngày 27/4/2022.
- (b) Phép thử được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 và được Bộ Y tế chỉ định theo thông tư số 20/2013/TTLT-BYT-BCT-BNNPTNT.
- (d) Phép thử được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 và được Bộ Công Thương chỉ định theo thông tư số 20/2013/TTLT-BYT-BCT-BNNPTNT.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28-04-2022

TUQ. VIỆN TRƯỞNG
GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM ATTP KVPN

VIỆN Y TẾ CÔNG CỘNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Ths. Phan Bích Hà

BỘ Y TẾ
VIỆN Y TẾ CÔNG CỘNG
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 007970 /VYTCC

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 05677.22

Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ : SỐ 10 TÂN TRÀO, PHƯỜNG TÂN PHÚ, QUẬN 7, TP. HỒ CHÍ MINH, VIỆT NAM

Tên mẫu : **THỨC UỐNG SỮA TRÁI CÂY - HƯƠNG DƯA HẤU - VINAMILK HERO**

Đặc điểm mẫu : Ký hiệu mẫu: V-TCS-3

Ngày lấy mẫu : 04/04/2022

Lượng mẫu : 01 hộp x 110 ml

Ngày nhận mẫu : 04/04/2022

Người gửi mẫu : Phan Trung Thành

Người nhận mẫu : Nguyễn Thị Xuân Diễm

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Ngày kiểm nghiệm
1	Clothianidin	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,01 mg/kg	07/04/2022
2	Dichlobenil	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	05/04/2022
3	Propargite	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	07/04/2022

Ghi chú:
- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.
- Khách hàng cung cấp tên mẫu chính thức ngày 27/4/2022.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28-04-2022

TUQ. VIỆN TRƯỞNG
GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM ATTP KVPN

VIỆN Y TẾ CÔNG CỘNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Ths. Phan Bích Hà

BỘ Y TẾ
VIỆN Y TẾ CÔNG CỘNG
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 007969 /VYTCC

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 05678.22

VILAS 219

Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ : SỐ 10 TÂN TRÀO, PHƯỜNG TÂN PHÚ, QUẬN 7, TP. HỒ CHÍ MINH, VIỆT NAM

Tên mẫu : **THỨC UỐNG SỮA TRÁI CÂY - HƯƠNG DƯA HẤU - VINAMILK HERO**

Đặc điểm mẫu : Ký hiệu mẫu: V-TCS-3

Ngày lấy mẫu : 04/04/2022

Lượng mẫu : 01 hộp x 110 ml

Ngày nhận mẫu : 04/04/2022

Người gửi mẫu : Phan Trung Thành

Người nhận mẫu : Nguyễn Thị Xuân Diễm

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Ngày kiểm nghiệm
1	Iprodione	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	07/04/2022
2	Spirotetramate	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,0025 mg/kg	07/04/2022
3	Fludioxonil	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	07/04/2022
4	Glufosinat-ammonium	Ref. EUL-SRM, Version 8.1 (2015)	Không phát hiện MLOD = 0,01 mg/kg	08/04/2022
5	Fenhexamid	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,002 mg/kg	07/04/2022
6	Diazinon	HD.PP.134-2/TT.SK:2019 (Ref. AOAC 2007.01) (d)	Không phát hiện MLOD = 0,01 mg/kg	05/04/2022

Ghi chú:
- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.
- Khách hàng cung cấp tên mẫu chính thức ngày 27/4/2022.
- (d) Phép thử được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 và được Bộ Công Thương chỉ định theo thông tư số 20/2013/TTLT-BYT-BCT-BNNPTNT.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28-04-2022

TUQ. VIỆN TRƯỞNG
GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM ATTP KVPN

VIỆN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Ths. Phan Bích Hà

BỘ Y TẾ
VIỆN Y TẾ CÔNG CỘNG
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 007968 **/VYTCC**

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 05679.22

VILAS 219

Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ : SỐ 10 TÂN TRÀO, PHƯỜNG TÂN PHÚ, QUẬN 7, TP. HỒ CHÍ MINH, VIỆT NAM

Tên mẫu : **THỨC UỐNG SỮA TRÁI CÂY - HƯƠNG DƯA HẤU - VINAMILK HERO**

Đặc điểm mẫu : Ký hiệu mẫu: V-TCS-3

Ngày lấy mẫu : 04/04/2022

Lượng mẫu : 01 hộp x 110 ml

Ngày nhận mẫu : 04/04/2022

Người gửi mẫu : Phan Trung Thành

Người nhận mẫu : Nguyễn Thị Xuân Diễm

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Ngày kiểm nghiệm
1	Fenitrothion	AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,003 mg/kg	05/04/2022
2	Methyl parathion (họ Phosphor hữu cơ)	HD.PP.67/TT.SK (GC/MS/MS) (Ref. AOAC 2007.01)	Không phát hiện MLOD = 0,01 mg/kg	05/04/2022
3	Malathion	HD.PP.67/TT.SK (GC/MS/MS) (Ref. AOAC 2007.01)	Không phát hiện MLOD = 0,01 mg/kg	05/04/2022
4	Methidathion	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,0005 mg/kg	07/04/2022
5	Diphenylamin	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,0001 mg/kg	07/04/2022
6	Azinphos-methyl	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,01 mg/kg	07/04/2022
7	Azocyclotin	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,025 mg/kg	07/04/2022
8	Boscalid	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,01 mg/kg	07/04/2022
9	Buprofezin	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	07/04/2022
10	Cyfluthrin/Beta-cyfluthrin	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,003 mg/kg	05/04/2022
11	Dichlofluanid	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,1 mg/kg	05/04/2022
12	Etofenprox	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	07/04/2022

Mã số mẫu: 05679.22

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Ngày kiểm nghiệm
13	Phosalone	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,01 mg/kg	07/04/2022
14	Cyhexatin	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,025 mg/kg	07/04/2022
15	Fenamiphos	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,0025 mg/kg	07/04/2022
16	Indoxacarb	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,01 mg/kg	07/04/2022
17	Pyraclostrobin	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	07/04/2022
18	Triadimefon	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	07/04/2022
19	Triadimenol	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	07/04/2022
20	Methomyl (HCBVTV nhóm carbamate)	HD.PP.33/TT.SK:2017 (LC/MS/MS) (Ref. AOAC 2007.01 & TCVN 9333:2012) (d)	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	07/04/2022

Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.
- Khách hàng cung cấp tên mẫu chính thức ngày 27/4/2022.
- (d) Phép thử được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 và được Bộ Công Thương chỉ định theo thông tư số 20/2013/TTLT-BYT-BCT-BNNPTNT.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28-04-2022

TUQ. VIỆN TRƯỞNG
GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM ATTP KVPN

VIỆN Y TẾ CÔNG CỘNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Ths. Phan Bích Hà

BỘ Y TẾ
VIỆN Y TẾ CÔNG CỘNG
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 007967 **/VYTCC**

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 05680.22

VILAS 219

Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ : SỐ 10 TÂN TRÀO, PHƯỜNG TÂN PHÚ, QUẬN 7, TP. HỒ CHÍ MINH, VIỆT NAM

Tên mẫu : **THỨC UỐNG SỮA TRÁI CÂY - HƯƠNG DƯA HẤU - VINAMILK HERO**

Đặc điểm mẫu : Ký hiệu mẫu: V-TCS-3

Ngày lấy mẫu : 04/04/2022

Lượng mẫu : 01 hộp x 110 ml

Ngày nhận mẫu : 04/04/2022

Người gửi mẫu : Phan Trung Thành

Người nhận mẫu : Nguyễn Thị Xuân Diễm

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Ngày kiểm nghiệm
1	Chlorpyrifos-methyl	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	05/04/2022
2	Amitrole	HD.PP.181/TT.SK	Không phát hiện MLOD = 0,025 mg/kg	07/04/2022
3	Azoxystrobin	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	07/04/2022
4	Chlorantraniliprole	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	07/04/2022
5	Cycloxydime	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	07/04/2022
6	Cypermethrin (bao gồm alpha- và zeta-Cypermethrin)	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,04 mg/kg	05/04/2022
7	Dithianon	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	07/04/2022
8	Flubendiamide	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	07/04/2022
9	Fluxapyroxad	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	07/04/2022
10	Haloxyfop	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,01 mg/kg	07/04/2022
11	Hexythiazox	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,01 mg/kg	07/04/2022
12	Penthiopyrad	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	07/04/2022

Mã số mẫu: 05680.22

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Ngày kiểm nghiệm
13	Phosalone	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,01 mg/kg	07/04/2022
14	Saflufenacil	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	07/04/2022
15	Spirodiclofen	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,002 mg/kg	05/04/2022
16	Spirotetramate	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,0025 mg/kg	07/04/2022
17	Thiamethoxam	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	07/04/2022
18	2,4-D (Dichlorophenoxy)	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	07/04/2022
19	Bifenazate	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	07/04/2022
20	Cyprodinil	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,0002 mg/kg	07/04/2022
21	Diquat	Ref. EURL-SRM, Version 8.1 (2015)	Không phát hiện MLOD = 0,003 mg/kg	07/04/2022
22	Indoxacarb	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,01 mg/kg	07/04/2022
23	Methoxyfenozide	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	07/04/2022
24	Novaluron	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,05 mg/kg	07/04/2022
25	Paraquat	Ref. EURL-SRM, version 8.1 (2015)	Không phát hiện MLOD = 0,0015 mg/kg	07/04/2022
26	Pirimicarb	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	07/04/2022
27	Spinosad	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	07/04/2022
28	Thiacloprid	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	07/04/2022
29	Trifloxystrobin	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,01 mg/kg	07/04/2022
30	Propargite	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	07/04/2022
31	Permethrin	HD.PP.67/TT.SK:2017 (GC/MS/MS) (Ref. AOAC 2007.01) (b) (d)	Không phát hiện MLOD = 0,05 mg/kg	05/04/2022

Mã số mẫu: 05680.22

Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.
- Khách hàng cung cấp tên mẫu chính thức ngày 27/4/2022.
- (b) Phép thử được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 và được Bộ Y tế chỉ định theo thông tư số 20/2013/TTLT-BYT-BCT-BNNPTNT.
- (d) Phép thử được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 và được Bộ Công Thương chỉ định theo thông tư số 20/2013/TTLT-BYT-BCT-BNNPTNT.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28-04-2022

TUQ. VIỆN TRƯỞNG

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM ATTP KVPN

VIỆN Y TẾ CÔNG CỘNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Ths. Phan Bích Hà

BỘ Y TẾ
VIỆN Y TẾ CÔNG CỘNG
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 007966 **/VYTCC**

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 05681.22

VILAS 219

Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ : SỐ 10 TÂN TRÀO, PHƯỜNG TÂN PHÚ, QUẬN 7, TP. HỒ CHÍ MINH, VIỆT NAM

Tên mẫu : **THỨC UỐNG SỮA TRÁI CÂY - HƯƠNG DƯA HẤU - VINAMILK HERO**

Đặc điểm mẫu : Ký hiệu mẫu: V-TCS-3

Ngày lấy mẫu : 04/04/2022

Lượng mẫu : 01 hộp x 110 ml

Ngày nhận mẫu : 04/04/2022

Người gửi mẫu : Phan Trung Thành

Người nhận mẫu : Nguyễn Thị Xuân Diễm

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Ngày kiểm nghiệm
1	Chlordane	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,001 mg/kg	05/04/2022
2	DDT	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,01 mg/kg	05/04/2022
3	Aldrin và Dieldrin	HD.PP.134-2/TT.SK:2019 (Ref. AOAC 2007.01) (a)	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	05/04/2022
4	Methamidophos	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	07/04/2022
5	Endosulfan	HD.PP.134-2/TT.SK:2019 (Ref. AOAC 2007.01) (d)	Không phát hiện MLOD = 0,003 mg/kg	05/04/2022
6	Heptachlor	HD.PP.134-2/TT.SK:2019 (Ref. AOAC 2007.01) (d)	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	05/04/2022
7	Lindan	HD.PP.134-2/TT.SK:2019 (Ref. AOAC 2007.01) (d)	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	05/04/2022

Mã số mẫu: 05681.22

Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.
- Khách hàng cung cấp tên mẫu chính thức ngày 27/4/2022.
- (a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017.
- (d) Phép thử được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 và được Bộ Công Thương chỉ định theo thông tư số 20/2013/TTLT-BYT-BCT-BNNPTNT.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28-04-2022

TUQ. VIỆN TRƯỞNG
GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM ATTP KVPN

VIỆN Y TẾ CÔNG CỘNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Ths. Phan Bích Hà

BỘ Y TẾ
VIỆN Y TẾ CÔNG CỘNG
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 007965 /VYTCC

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 05682.22

VILAS 219

Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ : SỐ 10 TÂN TRÀO, PHƯỜNG TÂN PHÚ, QUẬN 7, TP. HỒ CHÍ MINH, VIỆT NAM

Tên mẫu : **THỨC UỐNG SỮA TRÁI CÂY - HƯƠNG DƯA HẤU - VINAMILK HERO**

Đặc điểm mẫu : Ký hiệu mẫu: V-TCS-3

Ngày lấy mẫu : 04/04/2022

Lượng mẫu : 01 hộp x 110 ml

Ngày nhận mẫu : 04/04/2022

Người gửi mẫu : Phan Trung Thành

Người nhận mẫu : Nguyễn Thị Xuân Diễm

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Ngày kiểm nghiệm
1	Piperonyl butoxide	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	07/04/2022
2	Fipronil	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,002 mg/kg	05/04/2022
3	Abamectin	Ref. CLG-MRM1.05	Không phát hiện MLOD = 0,004 mg/kg	07/04/2022
4	Penconazole	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	07/04/2022
5	Spinosad	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	07/04/2022
6	Tebufenozide	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	07/04/2022
7	Flumethrin	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,01 mg/kg	07/04/2022
8	Thiabendazole	HD.PP.159/TT.SK:2020 (Ref. AOAC 2007.01) (d)	Không phát hiện MLOD = 0,003 mg/kg	07/04/2022

Mã số mẫu: 05682.22

Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.
- Khách hàng cung cấp tên mẫu chính thức ngày 27/4/2022.
- (d) Phép thử được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 và được Bộ Công Thương chỉ định theo thông tư số 20/2013/TTLT-BYT-BCT-BNNPTNT.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28-04-2022

TUQ. VIỆN TRƯỞNG

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM ATTP KVPN

VIỆN Y TẾ CÔNG CỘNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Ths. Phan Bích Hà

BỘ Y TẾ
VIỆN Y TẾ CÔNG CỘNG
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Số: 007964 **/VYTCC**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 05683.22

VILAS 219

Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ : SỐ 10 TÂN TRÀO, PHƯỜNG TÂN PHÚ, QUẬN 7, TP. HỒ CHÍ MINH, VIỆT NAM

Tên mẫu : **THỨC UỐNG SỮA TRÁI CÂY - HƯƠNG DƯA HẤU - VINAMILK HERO**

Đặc điểm mẫu : Ký hiệu mẫu: V-TCS-3

Ngày lấy mẫu : 04/04/2022

Lượng mẫu : 01 hộp x 110 ml

Ngày nhận mẫu : 04/04/2022

Người gửi mẫu : Phan Trung Thành

Người nhận mẫu : Nguyễn Thị Xuân Diễm

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Ngày kiểm nghiệm
1	Dimethoate	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	07/04/2022
2	Disulfoton	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	05/04/2022
3	Chlormequat	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,01 mg/kg	07/04/2022
4	Ethephon	Ref. EURL-SRM, Version 8.1 (2015)	Không phát hiện MLOD = 0,01 mg/kg	08/04/2022
5	Chlorpyrifos	HD.PP.134-2/TT.SK:2019 (Ref. AOAC 2007.01) (d)	Không phát hiện MLOD = 0,01 mg/kg	05/04/2022

Ghi chú:
- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.
- Khách hàng cung cấp tên mẫu chính thức ngày 27/4/2022.
- (d) Phép thử được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 và được Bộ Công Thương chỉ định theo thông tư số 20/2013/TTLT-BYT-BCT-BNNPTNT.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28-04-2022

KT. TUQ. VIỆN TRƯỞNG
GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM ATTP KVPN

VIỆN Y TẾ CÔNG CỘNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Ths. Phan Bích Hà